

Bản án số: 95/2020/HNGĐ - ST

Ngày 07-8-2020

“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 429/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 về “*Yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số: 242/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khóm Long Thị B, phường L, thị xã TC, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Bình P, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 979/15, khóm Đông Thịnh 9, phường MP, Thành phố X, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Bình P quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân lần thứ nhất của bà T và lần thứ hai của ông P. Bà và ông P chung sống

hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi nên cả hai không sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P là vợ chồng.

Bà T và ông P có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 06/6/2002 và Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 02/01/2004. Hiện cháu Tr đã trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lập, nuôi sống bản thân. Cháu Nguyễn Thị Thùy L do ông P đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T đồng ý cho ông P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình chung sống, bà T và ông P không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai đề ngày 20/7/2020, bị đơn ông Nguyễn Bình P trình bày: Ông P thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà T cũng như mâu thuẫn của cả hai. Nay, bà T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T là vợ chồng thì ông đồng ý. Đối với con chung, ông P yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung chưa thành niên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 02/01/2004, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng, cháu Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 06/6/2002 đã trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lập. Ông và bà T không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Bình P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự tại bản tự khai, Tòa án nhận định:

Về thủ tục tố tụng

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn có tính tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có nơi cư trú ổn định và thừa nhận chứng cứ

của nhau, trình bày thống nhất toàn bộ nội dung vụ án. Tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp đủ căn cứ để giải quyết vụ án mà Tòa án không cần phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án.

[2] Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Bình P tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại phường MP, thành phố X nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố X theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung tranh chấp

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Bình P tự nguyện tiến đến hôn nhân từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, mặc dù cả hai người đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định chung. Như vậy, hôn nhân của ông bà đã không tuân thủ theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Tòa án không xem xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong hôn nhân giữa các bên, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố quan hệ giữa bà T và ông P không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thuỳ Tr, sinh ngày 06/6/2002 và Nguyễn Thị Thuỳ L, sinh ngày 02/01/2004. Hiện cháu Tr đã trưởng thành, khoẻ mạnh và có khả năng tự lập, nuôi sống bản thân. Riêng cháu L chưa thành niên đang sống với ông P. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học hành cho con chung cũng như xem xét điều kiện phát triển tốt về thể chất, tinh thần, đảm bảo cho việc học hành cho con chung cũng như điều kiện của ông P và nguyện vọng của cháu L theo bản tường trình ngày 31/7/2020. Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông P được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông P và gia đình của ông P phải tạo điều kiện cho bà T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng: Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông P không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông P thống nhất không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280; **khoản 1 Điều 317** Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Bình P là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Bình P được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 02/01/2004. Riêng con chung tên Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 06/6/2002 đã trưởng thành, khoẻ mạnh và có khả năng tự lập, nuôi sống bản thân.

Ông P và gia đình của ông P phải tạo điều kiện cho bà T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không phải cấp dưỡng do ông P không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005027 ngày 20/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

(Giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục T.H. A dân sự TPL;
- VKSND TPL;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- **UBND MP, Tp.X;**
- UBND phường Long Hưng, thị xã TC, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam